

Số: 1814 /QĐ-VNL

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NĂNG LƯỢNG

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 4026/QĐ-BCT ngày 29 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Năng lượng;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua, khen thưởng của Viện Năng lượng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng, Trưởng các đơn vị thuộc Viện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chấp hành Đảng ủy Viện;
- Ban Lãnh đạo Viện;
- Ủy viên HĐTD khen thưởng;
- BCH Công đoàn Viện;
- Đoàn TNCS HCM Viện;
- Lưu: VT, TTTĐ Viện.


Hoàng Tiên Dũng

QUY CHẾ

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1814 /QĐ-VNL ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Viện trưởng Viện Năng lượng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chi tiết công tác thi đua, khen thưởng trong Viện Năng lượng (sau đây gọi tắt là Viện), bao gồm: Tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; hồ sơ xét khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng sáng kiến; Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng thi đua, khen thưởng áp dụng trong Quy chế này bao gồm: Công chức, viên chức, nghiên cứu viên, người lao động làm việc thực tế tại Viện từ đủ 10 tháng trở lên (sau đây gọi chung là cá nhân); các đơn vị thuộc Viện (sau đây gọi là tập thể).

Điều 2. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

Thi đua, khen thưởng là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển của Viện Năng lượng; động viên, khuyến khích và tôn vinh các tập thể, cá nhân hăng hái thi đua lao động sáng tạo; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng và phát triển toàn diện Viện Năng lượng thành cơ quan tham mưu, nghiên cứu chiến lược, chính sách, quy hoạch và phát triển khoa học công nghệ năng lượng hàng đầu của cả nước, có vị thế, uy tín, với đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển của ngành Công Thương.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn.

Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là các cá nhân và tập thể căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch công tác đề ra. Tại Hội nghị Công chức, viên chức hàng năm, Chủ tịch Công đoàn Viện phát động phong trào thi đua xác định rõ mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện trong toàn Viện. Kết thúc năm công tác sẽ tiến hành tổng kết, bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực, công trình, đề án cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phân đầu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Viện. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

3. Các đơn vị trực thuộc Viện đăng ký thi đua cho tập thể và cá nhân với Viện tại buổi họp tổng kết, bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm.

Điều 5. Danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân:

- a) Chiến sỹ thi đua toàn quốc;
- b) Chiến sỹ thi đua Bộ Công Thương;
- c) Chiến sỹ thi đua cơ sở;
- d) Lao động tiên tiến.

2. Đối với tập thể:

a) Tập thể Viện Năng lượng, danh hiệu thi đua gồm: Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Công Thương, Tập thể lao động xuất sắc.

b) Đối với các đơn vị trực thuộc Viện (phòng, trung tâm), danh hiệu thi đua gồm: Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến.

Điều 6. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP:

“Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc...”

Điều 7. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP:

“Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận.”

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương do Bộ trưởng xét và quyết định trao tặng hàng năm cho các cá nhân có thành tích.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở do Viện trưởng xét và quyết định trao tặng hàng năm cho các cá nhân có thành tích.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu Lao động tiên tiến

1. Theo quy định tại Điều 24 của Luật thi đua, khen thưởng, Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại Viện để được bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

4. Đối với cá nhân chuyên công tác về Viện, sẽ được bình xét, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được Viện điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến do Viện xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

5. Không xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Đối với tập thể Viện Năng lượng

a) Tiêu chuẩn xét tặng tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Tiêu chuẩn xét tặng tập thể đạt danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”: Việc công nhận tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để tặng “Cờ thi đua của Bộ Công Thương” phải được thực hiện thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các khối, cụm thi đua do Bộ Công Thương tổ chức hoặc trong các phong trào thi đua do Bộ Công Thương tổ chức có thời gian từ 01 năm trở lên;

c) Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng;

d) Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng;

đ) Các đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ một năm (12 tháng) trở lên mới được bình xét danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc”.

2. Đối với các tập thể trực thuộc Viện Năng lượng

a) Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;
- Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của Viện.

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc do Viện trưởng tổ chức xét duyệt, quyết định tặng thưởng.

b) Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến được xét tặng mỗi năm một lần. Tập thể lao động tiên tiến là tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của Viện;

Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến do Viện trưởng tổ chức xét duyệt, quyết định tặng thưởng.

Chương III HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 11. Các loại hình khen thưởng

1. Các loại hình khen thưởng bao gồm các loại hình quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Các hình thức khen thưởng của Nhà nước:

- a) Huân chương;
- b) Huy chương;
- c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước;
- d) Giải thưởng Hồ Chí Minh;
- đ) Giải thưởng Nhà nước;
- e) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các hình thức khen thưởng của Bộ Công Thương:

- a) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”;
- b) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

4. Hình thức khen thưởng của Viện trưởng Viện Năng lượng: Giấy khen.

Điều 12. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng

1. Tiêu chuẩn xét tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 32, 33, 36, 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo Điều 41, 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua, hoạt động của ngành Công Thương;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc ngành Công Thương;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị, tổ chức;

d) Có quá trình công tác trong các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương, được xét tặng trước khi nghỉ chế độ hưu trí;

đ) Nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành, đơn vị thuộc Bộ Công Thương; có quá trình công tác trong ngành Công Thương, có thành tích xuất sắc góp phần xây dựng và phát triển đơn vị;

e) Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

6. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc ngành Công Thương;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật;

d) Nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành, đơn vị thuộc Bộ; có thành tích xuất sắc góp phần xây dựng và phát triển đơn vị.

Điều 13. Giấy khen của Viện trưởng

1. Giấy khen của Viện trưởng để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, nhưng chưa được khen thưởng từ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên;

b) Có đóng góp tích cực xây dựng và phát triển đơn vị và Viện, được xét tặng trước khi nghỉ chế độ hưu trí;

c) Lập thành tích xuất sắc, được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề do Viện phát động;

d) Nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5, từ 25 năm trở lên) ngày cá nhân được Viện tuyển dụng, có thành tích xuất sắc góp phần xây dựng và phát triển Viện.

2. Tỷ lệ Giấy khen trong đợt bình xét tổng kết năm không quá 15% số công chức, viên chức, nghiên cứu viên, người lao động đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

Điều 14. Thời điểm xét tặng khen thưởng

1. Việc xét tặng danh hiệu quy định tại các Điều 5, 11 và 13 Quy chế này được tiến hành thường xuyên hàng năm vào dịp tổng kết công tác năm của Viện.

2. Cuối tháng 12 hàng năm, căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch chung của Viện và nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị thuộc Viện tiến hành tổng kết công tác năm và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Báo cáo tổng kết công tác và kết quả bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng, để tổng hợp báo cáo Hội đồng thi đua, khen thưởng Viện xét, quyết định hoặc trình tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 15. Thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Chiến sĩ thi đua các cấp và danh hiệu thi đua khác, Cờ thi đua của Chính phủ, Huân chương, Huy chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại các Điều 45, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

2. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương” (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được): Theo quy định tại Điều 21 Thông tư 26/2018/TT-BCT ngày 04/7/2018.

Báo cáo thành tích của cá nhân theo Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này; Báo cáo thành tích của tập thể theo Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 16. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng của Viện để tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng thi đua, khen thưởng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Viện trưởng;

b) Phó Chủ tịch và Ủy viên khác của Hội đồng do Viện trưởng quyết định.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Viện trưởng phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ

trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Viện trưởng kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Viện trưởng quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 17. Hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng hoạt động theo nguyên tắc tập thể có biểu quyết, những ý kiến chưa thống nhất được bảo lưu trong biên bản cuộc họp. Viện trưởng là người ra quyết định cuối cùng.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng định kỳ 6 tháng họp một lần để xét khen thưởng và các lĩnh vực liên quan. Tùy tình hình cụ thể, Hội đồng có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch hoặc yêu cầu của hai phần ba số thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng.

3. Trường hợp không thể tổ chức họp Hội đồng thi đua, khen thưởng thì Thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng có thể dùng phiếu xin ý kiến của các ủy viên Hội đồng thi đua, khen thưởng, tổng hợp báo cáo Chủ tịch xem xét và quyết định khen thưởng hoặc trình khen thưởng.

4. Trường hợp cần thiết khi họp Hội đồng thi đua, khen thưởng có thể mời thêm đại diện đơn vị và cá nhân liên quan tham dự, nhưng những đối tượng này không được quyền biểu quyết.

Điều 18. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng

Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng có nhiệm vụ:

1. Tổng hợp, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng và tổng kết, sơ kết công tác thi đua, khen thưởng;

2. Quan hệ với các cơ quan Nhà nước và Công đoàn để thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

3. Chuẩn bị hồ sơ khen thưởng trình Hội đồng thi đua, khen thưởng;

4. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tổ chức họp Hội đồng thi đua, khen thưởng;

5. Đề xuất hình thức khen thưởng để Hội đồng thi đua, khen thưởng xem xét;

6. Thực hiện công tác khen thưởng theo quy định của Nhà nước, của Bộ Công Thương;

7. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng có quyền yêu cầu các đơn vị thuộc Viện báo cáo để nắm bắt các thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học

công nghệ, dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh và các công tác khác phục vụ cho nhận xét, đánh giá và đề xuất hình thức khen thưởng.

Điều 19. Hội đồng sáng kiến

1. Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến; Hội đồng có nhiệm vụ giúp Viện trưởng thẩm định sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến; trên cơ sở đó, Viện trưởng xác nhận sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến (sử dụng để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và các hình thức khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Quy chế này;

2. Thành phần Hội đồng gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các ủy viên;

3. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và Thư ký Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì một Phó Chủ tịch Hội đồng là người chủ trì phiên họp. Sáng kiến được đánh giá là “Đạt” phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt đồng ý và số thành viên này bảo đảm không ít hơn 1/2 tổng số thành viên của Hội đồng.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Nguồn quỹ khen thưởng

1. Quỹ khen thưởng của Viện được trích lập theo quy định về lập quỹ khen thưởng;

2. Từ đóng góp tự nguyện (không bắt buộc) của các đơn vị thuộc Viện.

Điều 24. Sử dụng quỹ khen thưởng

1. Chi cho tập thể và cá nhân được khen thưởng các hình thức khen từ cấp Viện đến Nhà nước;

2. Khen thưởng trong dịp sơ kết, tổng kết năm công tác của Viện;

3. Thưởng định kỳ, đột xuất cho các cá nhân và tập thể trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp cho hoạt động của đơn vị;

4. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm các kỷ niệm chương, huân chương, huy chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huân, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu;

5. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua:

b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội

ngiht sớ kết, tởng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;

b) Chi phụ cấp làm việc cho các thành viên Hội đồng thi đũa, khen thưởng; Hội đồng sáng kiến.

Điều 25. Mức tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho tập thể và cá nhân:

a) Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

b) Căn cứ khả năng tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện và tình hình thực tế hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ và sản xuất kinh doanh của Viện.

2. Các tập thể và cá nhân trong cùng một thời điểm xét khen thưởng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đũa, hình thức khen thưởng kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau, thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, có thể đợc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của Viện.



Hoàng Tiến Dũng

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GHI CHÚ:

¹ Báo cáo thành tích 03 năm trước thời điểm đề nghị đối với danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Bộ Công Thương”; 02 năm đối với Bằng khen cấp bộ.

² Ghi rõ danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Bộ Công Thương” hoặc Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

⁴ Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên, vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện ...).

- Đối với cán bộ làm công tác quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng Thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) trong đó:

⁵ Nêu các nội dung sau:

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua Bộ Công Thương": ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở" thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu trước thời điểm đề nghị; tối thiểu 03 sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Đối với báo cáo đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương: ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở" thời gian 02 lần liên tục hoặc Thủ trưởng đơn vị xác nhận về việc 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trước thời điểm đề nghị; tối thiểu 02 sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

Mẫu số 2: Xác nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

**XÁC NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG
VÀ PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN**

(sử dụng để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và các hình thức khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP)

Họ và tên: (Ông/Bà)

Ngày tháng năm sinh:

Đơn vị công tác:

.....

Tên sáng kiến:

.....

Nội dung sáng kiến:

.....

Hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến:

.....

.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

Người kê khai sáng kiến

(Ký, ghi rõ họ tên)